

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **40/2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 17 - 9 - 2020

V/v: *Tranh chấp ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Mạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thành

Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phương Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nở – kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 262/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/8/2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án đưa vụ án ra xét xử số: 92/2020/QĐXX – ST ngày 28/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1967; Địa chỉ cư trú: Số 233/108/16, Đại Lộ B, tổ 41, khu phố 2, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (Có mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Việt H, sinh năm 1966; Địa chỉ cư trú: Tổ 5, ấp B, xã Q, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/7/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Huỳnh Việt H chung sống như vợ chồng vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu bà T và ông H chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H thiếu trách nhiệm với gia đình. Đồng thời ông H có quan hệ với người phụ nữ khác có con riêng. Năm 2010 ông H đã chuyển đến sinh sống chung với người phụ nữ này tại xã Quang Minh, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước sau đó quay về sống chung với bà T. Đến đầu năm 2020 thì bà T và ông H không còn sống chung, không quan tâm, yêu thương nhau. Vì vậy, bà T khởi kiện ông H yêu cầu Tòa án không công nhận bà T và ông H là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà T và ông H có một con chung tên là Huỳnh Việt H1, sinh ngày 01/10/1992, do con chung Huỳnh Việt H1 đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Bà Tkhai không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Việt H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H thống nhất với nội dung trình bày của bà T chung về thời gian chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Về mâu thuẫn trong quá trình chung sống thì ông H không thống nhất với nội dung trình bày của bà T, ông H cho rằng quá trình chung sống bà T không tôn trọng, không chung thủy với ông H nên cuộc sống chung giữa hai người không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ ngày 01/01/2020 cho đến nay ông H và bà T đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận ông H và bà T là vợ chồng thì ông H đồng ý.

Về con chung: Ông H thống nhất với nội dung bà T trình bày, do con chung tên là Huỳnh Việt H1, sinh ngày 01/10/1992 đã trưởng thành nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Ông H khai không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Huỳnh Việt H, bà T và ông H có mặt tại phiên tòa và không ai giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời hạn chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án; quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ; thời hạn xét xử và chuyển hồ sơ vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số:35/2000/NQ – QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông H. Nguyên đơn bà T phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn bà T và trong quá trình giải quyết vụ án thì Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn; bị đơn ông H có nơi cư trú tại ấp Bàu Teng, xã Quang Minh, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà T và ông H xảy ra nhiều mâu thuẫn, tại phiên tòa mặc dù bà T và ông H không thống nhất với nhau về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa hai người nhưng cả bà T và ông H đều thừa nhận mâu thuẫn giữa hai người là rất nghiêm trọng, không thể tiếp tục chung sống và yêu cầu Tòa án không công nhận bà T và ông H là vợ chồng. Xét thấy, bà T và ông H chung sống từ năm 1990 đến năm 2020, hai người có đủ các điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định nhưng không thực hiện là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên yêu cầu của bà T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T với ông H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông H thống nhất có một con chung tên là Huỳnh Việt H1, sinh ngày 01/10/1992, do con chung tên Huỳnh Việt H1 đã trưởng thành nên bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà T và ông H khai không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 35/2000/NQ – QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Huỳnh Việt H là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp

theo biên lai số: 0004448, quyển số: 0089, ngày 10/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Mạnh